

Vietnam Daily Review

Tiến tới ngưỡng 1,130 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/2/2021		•	
Tuần 8/2-12/2/2021		•	
Tháng 2/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng tăng điểm mạnh của VN-Index đã hạ nhiệt trong phiên hôm nay. Dòng tiền đầu tư có dấu hiệu chững lại khi thị trường chỉ có 9/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản giảm mạnh, biên độ thị trường thu hẹp và độ rộng thị trường cân bằng cho thấy hoạt động mua bán đang suy yếu trước kỳ nghỉ tết Nguyên Đán. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. BSC dự kiến thị trường sẽ không có biến động lớn trước kỳ nghỉ lễ khi các nhà đầu tư tập trung chuẩn bị cho dịp lễ tết trong những ngày tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1090 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/2/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_3.2%.

Phân tích kỹ thuật: VIB_Tiềm năng vượt đỉnh(Trang 4)

Điểm nhấn

- VN-Index +14.72 điểm, đóng cửa 1,126.91 điểm. HNX-Index +0.16 điểm, đóng cửa 223.84 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC(+2.26), TCB (+1.22), CTG(+1.09, VCB (+1.09), VHM(+0.81)
- Kéo chỉ số giảm: NVL (-0.34), VGC(-0.18), NT2(-0.07), VCG(-0.05), OCB(-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,415 tỷ đồng, -3.3% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,412 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 14.72 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có 297 mã tăng, 58 mã tham chiếu và 134 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 432.58 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFNVD (212.8 tỷ), VNM (98.8 tỷ) và MSN (70.6 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 3.97 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1112.19
Giá trị: 10415.19 tỷ 0.9 (0.08%)
Khối ngoại (ròng): 432.58 tỷ

HNX-INDEX 223.68
Giá trị: 1303.3 tỷ 0.06 (0.03%)
Khối ngoại (ròng): 3.97 tỷ

UPCOM-INDEX 74.06
Giá trị: 869.7 tỷ 0.76 (1.04%)
Khối ngoại(ròng): 3.8 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	56.1	0.75%
Giá vàng	1,823	-0.62%
Tỷ giá USD/VND	23,026	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,625	-0.33%
Tỷ giá JPY/VND	21,887	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	5.48%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-11.67%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	212.8	NVL	42.4
VNM	98.8	HPG	40.7
VHM	70.6	CTG	30.5
KBC	68.9	VRE	26.4
FUESSVFL	52.2	GAS	26.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_3.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	3.2%	8.6%	8.6%	-0.5%	-0.5%	-0.5%	46.7%
Lãi suất giảm	2.9%	8.9%	8.9%	3.4%	3.4%	3.4%	47.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.8%	8.2%	8.2%	-6.2%	-6.2%	-6.2%	61.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.7%	12.1%	12.1%	7.2%	7.2%	7.2%	51.2%
Ngân Hàng	2.5%	10.9%	10.9%	5.0%	5.0%	5.0%	45.4%
VN FinSelect	2.4%	11.4%	11.4%	5.5%	5.5%	5.5%	48.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.0%	8.7%	8.7%	11.7%	11.7%	11.7%	43.6%
Hàng tiêu dùng	1.9%	5.6%	5.6%	1.0%	1.0%	1.0%	41.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.8%	6.2%	6.2%	19.3%	19.3%	19.3%	48.3%
VN Diamond	1.7%	8.0%	8.0%	10.2%	10.2%	10.2%	44.1%
Corona Avengers	1.5%	1.5%	1.5%	9.8%	9.8%	9.8%	46.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.5%	8.7%	8.7%	9.4%	9.4%	9.4%	46.3%
Xây dựng	1.3%	5.5%	5.5%	1.0%	1.0%	1.0%	42.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.3%	7.6%	7.6%	7.4%	7.4%	7.4%	44.3%
FTSE Việt Nam	1.2%	6.4%	6.4%	3.9%	3.9%	3.9%	43.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.2%	3.7%	3.7%	2.7%	2.7%	2.7%	38.3%
Đầu tư công	1.2%	8.3%	8.3%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	46.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.1%	6.5%	6.5%	3.5%	3.5%	3.5%	42.9%
Chiến tranh thương mại	1.0%	5.3%	5.3%	11.1%	11.1%	11.1%	49.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	7.3%	7.3%	8.7%	8.7%	8.7%	37.6%
Dầu khí	0.8%	9.5%	9.5%	4.2%	4.2%	4.2%	66.6%
Vật liệu Xây dựng	0.5%	4.5%	4.5%	2.6%	2.6%	2.6%	36.9%
Cổ phiếu ngành Dược	0.4%	-0.6%	-0.6%	-3.3%	-3.3%	-3.3%	32.8%
EVFTA	0.3%	3.5%	3.5%	25.3%	25.3%	25.3%	49.4%
Nước & Năng lượng	0.0%	4.6%	4.6%	-0.7%	-0.7%	-0.7%	40.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.2%	1.6%	1.6%	8.6%	8.6%	8.6%	45.9%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	2.8%	9.2%	9.2%	4.8%	4.8%	4.8%	42.1%
L32	1.9%	7.1%	7.1%	1.3%	1.3%	1.3%	45.4%
M12	1.9%	8.6%	8.6%	8.4%	8.4%	8.4%	42.1%
L22	1.9%	4.9%	4.9%	5.0%	5.0%	5.0%	42.2%
S21	1.7%	5.9%	5.9%	6.3%	6.3%	6.3%	43.5%
L11	1.7%	5.2%	5.2%	7.3%	7.3%	7.3%	38.6%
M31	1.6%	7.4%	7.4%	3.7%	3.7%	3.7%	38.9%
S32	1.4%	7.0%	7.0%	7.1%	7.1%	7.1%	41.6%
M22	1.3%	9.5%	9.5%	7.0%	7.0%	7.0%	43.7%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	2.4%	10.6%	10.6%	8.8%	8.8%	8.8%	41.3%
HIGH3	1.7%	8.4%	8.4%	9.9%	9.9%	9.9%	43.8%
LOW1	1.1%	9.6%	9.6%	25.1%	25.1%	25.1%	47.5%

INDEX							
VNINDEX	1.3%	6.7%	6.7%	2.1%	2.1%	2.1%	39.3%
VN30INDEX	1.6%	8.3%	8.3%	6.0%	6.0%	6.0%	43.0%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	12	14	13	13	13	13
Mục tiêu	9	9	0	6	3	6	3
Rủi ro	3	2	1	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 5/2

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.73	0.89%	8.70%	13.40%	10.91%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.29	0.76%	7.70%	9.40%	5.05%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	165.95	0.89%	6.90%	14.20%	16.24%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1797.10	0.17%	-2.70%	-6.30%	12.21%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.36	0.04%	-2.30%	-3.40%	45.07%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1373.75	0.09%	0.30%	2.00%	49.16%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	636.50	-0.16%	-4.00%	-2.70%	10.74%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.18	1.06%	-2.80%	-10.30%	-4.99%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	224.55	1.32%	-0.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.05	0.06%	3.00%	1.80%	8.96%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	124.05	0.08%	0.00%	-1.70%	12.88%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7823.00	-0.25%	-0.60%	-2.20%	36.41%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	656.16	0.72%	-1.20%	-3.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	681.64	1.06%	-0.60%	-2.60%			
Nhôm	USD/ton	1993.50	1.01%	0.50%	-2.30%	14.77%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	153.11	2.79%	-0.10%	-4.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	80.45	1.07%	-9.60%	2.90%	10.74%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 38 US cent lên 58.84 USD/thùng. Dầu WTI tăng 54 US cent lên 54 USD/thùng.
- Bộ Thương mại Mỹ cho biết các đơn hàng sản xuất tăng 1.1% sau khi tăng 1.3% trong tháng 11/2020, vượt dự đoán của các nhà kinh tế, trong khi đó số liệu của Bộ Lao động cho thấy số đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới của Mỹ giảm trong tuần gần nhất. USD đang tăng đã lấy đi một phần đà tăng của giá dầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 2.3% xuống 1,791.76 USD/ounce, sau khi chạm mức thấp nhất trong hơn 2 năm tại 1,784.76 USD. Vàng kỳ hạn tháng 4 giảm 2.4% xuống 1,791.2 USD/ounce.
- USD tăng lên trên mức đỉnh 2 tháng trong khi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ dài hạn tăng do dự đoán về gói cứu trợ đại dịch lớn từ Washington và thị trường lao động ổn định của Mỹ.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 5.3% lên 991 CNY (153.41 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 3 tại Singapore tăng 5.2% lên 154.5 USD/tấn.
- Công ty Vale SA đã báo cáo sản lượng quặng sắt năm 2020 sụt giảm 0.5% xuống 300.4 triệu tấn, mặc dù đã đánh dấu sự phục hồi tiềm năng cả về sản lượng và doanh số trong năm nay. Sản lượng đã sụt giảm 5% so với quý trước do lượng mưa tăng và những hạn chế về xử lý chất thải.
- Thép thanh trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 2%, thép cuộn cán nóng tăng 1.3%.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 duy trì tại 1,2405 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 tăng 20 USD hay 1.5% lên 1,343 USD/tấn.
- Đường trắng kỳ hạn tháng 3 tăng 2.8 USD hay 0.5% lên 465.4 USD/thùng. Đường thô kỳ hạn tháng 3 duy trì tại 16.05 US cent/lb.
- Giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức 402 – 408 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 5/2018. Giá gạo 5% tấm của Việt Nam tăng lên 510 – 515 USD/tấn so với 505 – 510 USD/tấn trong tuần trước do nguồn cung yếu. Giá gạo 5% tấm của Thái Lan tăng lên mức cao nhất kể từ đầu tháng 4/2020 tại 535 – 564 USD/tấn, trong bối cảnh lo ngại về nguồn cung thấp.

	5/2	% 5/2	4/2	% 4/2	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1112.19	0.08%	1111.29	3.32%	8.62%	-1.80%
S&P 500			3830.17	0.10%	2.12%	1.97%
HĐTL S&P500	3831.50	0.21%	3823.50	0.14%	1.38%	3.77%
Shang- hai	3501.86	-0.44%	3517.31	-0.46%	-0.09%	-0.76%
Euro Stoxx	3625.62	0.44%	3609.75	0.54%	1.93%	2.19%

Phân tích kỹ thuật

VIB_Tiềm năng vượt đỉnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VIB có sự hồi phục trở lại sau khi có nhịp điều chỉnh vào cuối tháng trước và hiện tại đã tiến gần sát về mức đỉnh lịch sử. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khá quan. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn đang cách khá xa vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VIB nằm tại khu vực xung quanh 34.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 43, cắt lỗ nếu ngưỡng 32.8 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 40000

Dự báo KQKD 2021.

Dự báo KQKD 2020 và 2021. Trong năm 2020, BSC dự báo VIB sẽ ghi nhận TOI = 9,824 tỷ VND (+20.5% yoy), PBT = 4,967 tỷ VND (+21.7% yoy). Trong năm 2021, BSC dự báo VIB sẽ ghi nhận TOI = 11,424 tỷ VND (+16.3% yoy), PBT = 6,537 tỷ VND (+31.6% yoy). BVPS 2021 ở mức 22,670 VND/cp.

Cập nhật KQKD

Trong 9M2020, VIB đã ghi nhận TOI +33.7% yoy, PBT +38.1% yoy, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong số các NH đã công bố BCTC. Tín dụng +14.2% ytd, trong năm 2020 VIB đã xin cấp hạn mức tín dụng lên mức ~23%. NIM +54 bps nhờ đẩy mạnh cho vay cá nhân lãi suất cao cùng việc giảm chi phí vốn. Phí dịch vụ tăng trưởng tốt nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm (+62.8% yoy). CIR tăng nhẹ và được kiểm soát ở mức ~41%. Chất lượng tài sản suy giảm. Nợ nhóm 2 +42 bps, NPLs +9 bps. LLCR giữ ở mức ~78%.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express VIB 2020Q4**

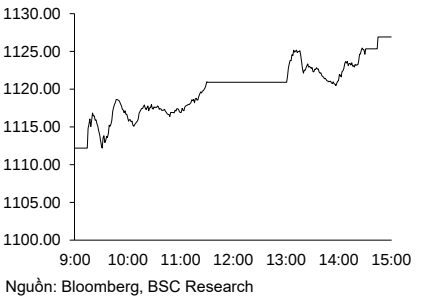
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.11%
Xây dựng và Vật liệu	0.28%
Công nghệ Thông tin	0.37%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.39%
Thực phẩm và đồ uống	0.58%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.74%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.83%
Du lịch và Giải trí	0.87%
Hóa chất	1.15%
Bất động sản	1.20%
Ô tô và phụ tùng	1.22%
Dầu khí	1.61%
Tài nguyên Cơ bản	1.62%
Bán lẻ	1.77%
Ngân hàng	1.91%
Truyền thông	2.10%
Bảo hiểm	2.35%
Dịch vụ tài chính	3.05%

Hình 1

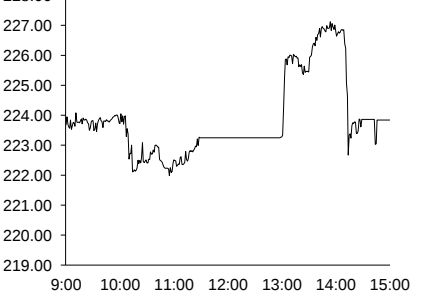
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

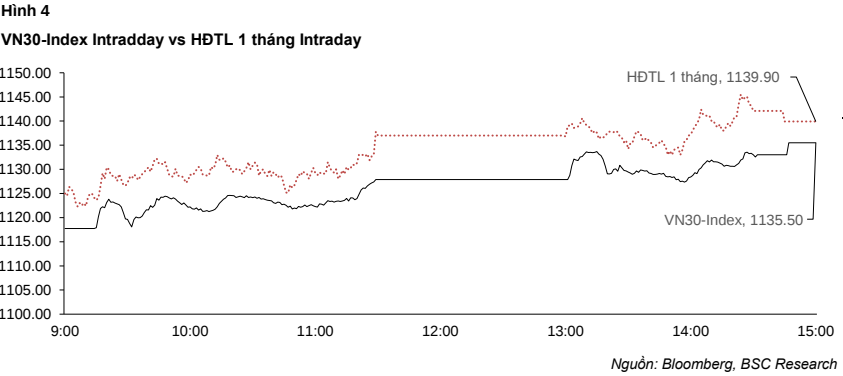
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	72.9	1	0.55%	Có thể tiếp tục mua
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	80.2	2	-3.37%	Có thể tiếp tục mua
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	26	3	6.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	31.7	4	2.26%	Có thể tiếp tục mua
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	37.55	7	3.30%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.1	9	-5.21%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	17.05	60	0.59%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
1/25/2021	VSH	19.35	20.7	18.4	SL	3	-4.91%
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	TP	4	10.20%
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	SL	5	-7.64%
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	SL	9	-10.98%
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	SL	13	-19.09%
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	SL	11	-9.65%
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	SL	5	-6.90%
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	SL	6	-6.29%
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	SL	7	-9.97%
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	SL	9	-10.08%
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	TP	18	13.19%
1/7/2021	HAG	5.64	6.3	5	TP	4	11.70%
Chú thích: Thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	2	2.65%	-4.29%	0.67%	12
Cổ phiếu đã chốt	108	55	13.05%	-8.14%	5.90%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2102	1115.00	-0.88%	-2.74	29.6%	274,032	2/18/2021	14
VN30F2103	1121.70	-0.91%	3.96	4.9%	1,025	3/18/2021	42
VN30F2106	1127.70	-0.49%	9.96	53.2%	144	6/17/2021	133
VN30F2109	1118.80	-1.53%	1.06	9.6%	91	9/16/2021	224

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 17.76 điểm lên mức 1135.5 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, CTG, TCB, VCB và VHM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, chỉ số VN30 có nhiều biến động tuy nhiên đến phiên chiều đà tăng đã thực sự quay trở lại rõ ràng hơn. VN30 có thể sẽ có những phiên điều chỉnh nhẹ trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Tất cả các hợp đồng đều giảm về khối lượng giao dịch. Xét về vị thế mở, chỉ có VN30F2106 tăng, trong khi VN30F2102, VN30F2103 và VN30F2109 đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1090 điểm cho hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2008	6/11/2021	127	10:1	1,032,000	32.44%	1,400	2,490	20.87%	1,453	1.71	102,888	88,888	98,400
CFPT2012	5/4/2021	89	5:1	340,700	28.30%	1,500	4,500	11.66%	4,498	1.00	58,500	51,000	72,500
CFPT2016	6/22/2021	138	5:1	423,000	28.30%	2,580	4,800	10.09%	4,765	1.01	62,900	50,000	72,500
CFPT2017	4/26/2021	81	4:1	264,800	28.30%	2,340	4,310	9.39%	4,676	0.92	64,160	54,800	72,500
CVPB2011	4/1/2021	56	2:1	816,200	39.64%	1,900	6,470	8.38%	6,648	0.97	27,800	24,000	36,600
CFPT2011	4/1/2021	56	5:1	543,600	28.30%	1,700	4,980	8.26%	5,048	0.99	56,500	48,000	72,500
CVPB2012	4/1/2021	56	2:1	307,700	39.64%	2,000	6,890	7.82%	7,083	0.97	27,000	23,000	36,600
CSBT2007	4/27/2021	82	2:1	187,000	41.79%	1,700	2,310	4.52%	2,413	0.96	18,788	15,495	19,200
CTCB2010	4/1/2021	56	2:1	226,600	35.14%	2,000	7,100	2.90%	7,477	0.95	25,500	21,500	35,000
CTCB2013	5/4/2021	89	1:1	231,700	35.14%	4,700	12,760	1.67%	13,567	0.94	27,700	23,000	35,000
CHDB2007	4/27/2021	82	5:1	603,300	35.38%	1,300	2,550	0.79%	105	24.25	20,771	16,831	23,550
CSTB2014	6/14/2021	130	1:1	165,300	41.41%	3,800	6,310	0.00%	6,553	0.96	15,800	12,000	17,600
CKDH2001	5/14/2021	99	4:1	85,700	29.36%	1,400	2,200	0.00%	1,744	1.26	31,822	26,222	32,700
CSTB2012	4/1/2021	56	1:1	97,200	41.41%	2,500	5,090	-1.17%	5,406	0.94	15,500	13,000	17,600
CVRE2014	5/4/2021	89	1:1	314,900	35.17%	4,600	6,500	-2.55%	5,888	1.10	32,100	27,500	32,600
CSTB2007	4/27/2021	82	2:1	520,400	41.41%	1,500	3,500	-2.78%	3,735	0.94	13,999	10,999	17,600
CHPG2017	2/18/2021	14	4:1	291,100	33.93%	1,000	3,140	-3.68%	3,415	0.92	32,888	28,888	41,800
CHPG2010	4/5/2021	60	4:1	77,500	33.93%	1,800	4,720	-5.41%	2,428	1.94	32,969	27,079	41,800
CSTB2013	3/12/2021	36	1:1	96,900	41.41%	3,200	5,700	-7.32%	6,355	0.90	15,200	12,000	17,600
Tổng				6,625,600	35.28%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/2/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CSBT2007 và CFPT2014 tăng mạnh lần lượt là 29.00% và 21.39%. Trái lại, CMSN2014 và CVNM2007 giảm mạnh lần lượt là -11.86% và -7.41%. Giá trị giao dịch giảm -5.67%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.48% thị trường.
- CVPB2014, CTCB2011, CVRE2010, CSTB2012, và CVPB2013 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CHPG2025, và CFPT2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CMSN2010, và CMWG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	36.60	3.24	2.62
FPT	72.50	3.57	1.94
VHM	98.40	1.23	0.70
KDH	32.70	3.32	0.47
MWG	128.50	0.78	0.38

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	105.0	-2.33	-2.09
VNM	108.8	-0.82	-0.93
STB	17.6	-2.22	-0.85
NVL	81.5	-1.81	-0.69
HDB	23.6	-1.88	-0.62

Source: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	128.5	0.8%	1.0	2,604	8.9	8,654	14.8	3.8	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	82.9	0.0%	1.1	820	2.3	4,727	17.5	3.6	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	58.1	-0.7%	1.5	1,875	2.4	2,087	27.8	2.2	28.1%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	31.5	-1.3%	0.5	306	0.0	3,321	9.5	1.0	54.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	105.0	-2.3%	0.7	15,442	4.7	1,569	66.9	4.5	14.0%	6.7%
VRE	Bất động sản	32.6	-1.5%	1.1	3,221	5.9	1,048	31.1	2.5	31.4%	8.5%
VHM	Bất động sản	98.4	1.2%	1.1	14,073	10.6	8,463	11.6	3.8	22.3%	39.1%
DXG	Bất động sản	21.3	2.2%	1.2	480	6.1	(833)		1.8	35.2%	-6.5%
SSI	Chứng khoán	29.7	0.0%	1.5	774	15.7	2,093	14.2	1.8	45.1%	13.1%
VCI	Chứng khoán	53.0	2.3%	1.0	382	2.8	4,662	11.4	1.9	27.9%	17.9%
HCM	Chứng khoán	27.3	0.0%	1.6	362	5.7	1,738	15.7	1.9	49.0%	12.1%
FPT	Công nghệ	72.5	3.6%	0.8	2,471	13.8	4,122	17.6	3.6	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	61.7	1.1%	0.4	734	0.1	4,812	12.8	3.3	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	81.0	1.3%	1.4	6,740	2.8	4,752	17.0	3.3	2.9%	19.7%
PLX	Dầu khí	51.3	1.6%	1.5	2,718	0.8	631	81.3	3.0	15.5%	4.4%
PVS	Dầu khí	18.3	1.7%	1.6	380	6.3	1,621	11.3	0.7	10.3%	6.3%
BSR	Dầu khí	10.9	2.8%	0.8	1,469	4.3	898	12.1	1.0	41.1%	8.5%
DHG	Dược	99.8	-1.0%	0.4	567	0.0	5,443	18.3	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	16.0	0.0%	0.6	271	1.0	1,663	9.6	0.8	12.8%	8.6%
DCM	Hóa chất	12.7	0.8%	0.6	292	1.5	1,030	12.3	1.1	3.0%	8.8%
VCB	Ngân hàng	98.9	0.0%	1.1	15,948	4.1	4,974	19.9	3.7	23.7%	20.5%
BID	Ngân hàng	41.5	0.4%	1.3	7,257	2.5	1,775	23.4	2.2	17.3%	9.4%
CTG	Ngân hàng	34.7	-0.6%	1.3	5,617	14.2	3,674	9.4	1.5	28.7%	16.9%
VPB	Ngân hàng	36.6	3.2%	1.2	3,906	13.1	4,271	8.6	1.7	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	24.1	-0.8%	1.2	2,927	11.6	2,965	8.1	1.4	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	28.2	0.4%	0.9	2,650	5.2	3,557	7.9	1.7	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	60.1	0.2%	0.7	214	0.3	6,386	9.4	2.0	81.8%	21.2%
NTP	Nhựa	34.1	-0.9%	0.5	175	0.0	3,797	9.0	1.6	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	19.2	-2.0%	0.6	918	0.5	356	53.9	1.5	10.1%	2.9%
HPG	Thép	41.8	-0.5%	1.1	6,022	40.5	4,056	10.3	2.3	30.9%	25.2%
HSG	Thép	23.9	0.0%	1.4	462	7.7	3,387	7.1	1.5	11.4%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	108.8	-0.8%	0.7	9,886	8.9	4,770	22.8	7.3	57.7%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	182.1	1.7%	0.8	5,077	2.3	7,064	25.8	5.9	63.2%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	89.5	0.7%	0.9	4,571	5.5	1,054	84.9	6.6	32.1%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	19.2	0.0%	1.2	515	2.6	1,114	17.2	1.5	8.1%	6.9%
ACV	Vận tải	74.0	3.1%	0.8	7,004	0.4	3,450	21.4	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	130.6	-0.3%	1.1	2,974	3.4	132		4.6	18.9%	0.5%
HVN	Vận tải	26.1	-0.2%	1.7	1,609	0.6	(7,647)		5.8	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	30.4	4.6%	0.9	398	5.5	1,133	26.8	1.6	38.3%	5.7%
PVT	Vận tải	16.5	0.3%	1.3	231	3.7	1,953	8.4	1.1	13.8%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	78.3	1.0%	1.0	545	0.7	8,545	9.2	3.2	3.5%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.6	-6.9%	0.5	694	1.1	1,323	26.9	2.5	6.6%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	-1.2%	0.9	279	0.2	1,613	10.4	1.2	6.0%	11.5%
CTD	Xây dựng	70.3	-1.0%	1.1	227	1.9	5,769	12.2	0.6	45.6%	5.2%
CII	Xây dựng	21.3	-1.6%	0.5	221	1.8	1,187	17.9	1.0	30.4%	5.8%
REE	Điện	53.5	-0.9%	-1.4	719	2.7	5,249	10.2	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	26.4	3.7%	-0.4	219	1.4	2,642	10.0	1.3	13.4%	11.8%
POW	Điện	12.6	1.2%	0.6	1,283	8.6	938	13.4	1.0	8.5%	7.9%
NT2	Điện	23.9	0.0%	0.5	299	0.6	2,095	11.4	1.6	17.8%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	40.2	2.3%	1.0	820	16.8	363	110.5	2.0	20.2%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	56.0	-1%	1.0	2,520	0.1			3.7	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	98.40	1.23	1.07	2.50MLN
VPB	36.60	3.24	0.75	8.27MLN
SAB	182.10	1.73	0.53	296100
FPT	72.50	3.57	0.52	4.40MLN
GAS	81.00	1.25	0.51	790800

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.26	1.02MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.50	1.90MLN	607060
NVL	0.00	-0.40	2.80MLN	373600
VGC	-0.01	-0.32	714700	192700
VRE	0.00	-0.31	4.11MLN	611640

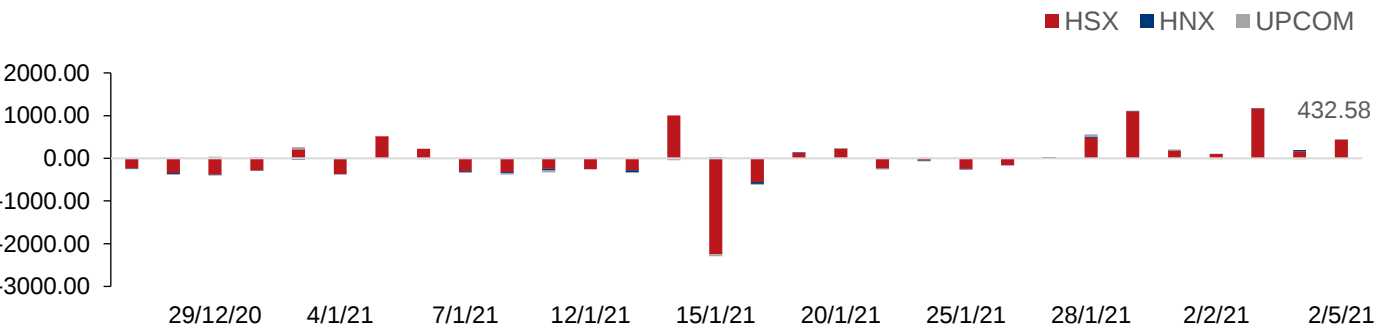
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVD	16.85	6.98	0.00	651000.00
AGR	10.30	6.96	0.04	1.85MLN
HRC	63.10	6.95	0.03	100
RIC	16.95	6.94	0.01	16600
BHN	75.60	6.93	0.30	5100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OPC	64.00	-6.98	-0.03	2000
SII	19.35	-6.97	-0.03	100
SGT	14.75	-6.94	-0.02	102800.00
VPS	16.10	-6.94	-0.01	245400
COM	40.95	-6.93	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	13.3	1,412	9.4	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	28.2	3,557	7.9	1.7	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	74.0	3,450	21.4	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.9	4,065	6.9	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	34.7	3,674	9.4	1.5	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	49.0	13,724	3.6	1.2	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	51.7	5,729	9.0	2.0	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	77.5	5,923	13.1	2.9	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	99.8	5,443	18.3	3.7	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	16.0	1,663	9.6	0.8	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.0	2,160	12.5	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	21.3	-833		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	72.5	4,122	17.6	3.6	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	30.4	1,133	26.8	1.6	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	38.9	6,277	6.2	1.9	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	41.8	4,056	10.3	2.3	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	23.9	3,387	7.1	1.5	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	40.2	363	110.5	2.0	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	32.7	2,043	16.0	2.2	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	32.7	2,043	16.0	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	13.4			1.0	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	28.2	2,528	11.2	1.1	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	89.5	1,054	84.9	6.6	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	128.5	8,654	14.8	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	32.5	2,975	10.9	1.5	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	224.9	9,855	22.8	9.3	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.5	7,700	7.6	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.5	1,842	13.8	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	82.9	4,727	17.5	3.6	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	19.6	0	69.0	0.6	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	16.5	1,953	8.4	1.1	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	38.0	4,313	8.8	1.8	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	182.1	7,064	25.8	5.9	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	19.2	1,114	17.2	1.5	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	38.0	1,861	20.4	3.0	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	35.0	3,521	9.9	1.7	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	98.9	4,974	19.9	3.7	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	43.2	4,239	10.2	2.2	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	17.5	563	31.1	1.4	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	37.0	3,873	9.6	1.3	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	108.8	4,770	22.8	7.3	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	36.6	4,271	8.6	1.7	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.6	1,048	31.1	2.5	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	97.0	4,105	23.6	8.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD:
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150 Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần
Express DXG 2020Q4	8/10/20	

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639